TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Ni giới trong công cuộc chấn hưng Phật giáo miền Bắc đầu thế kỷ XX

ISSN: 2734-9195 16:25 06/11/2026

Những nỗ lực của các bậc Ni trưởng, Ni sư tiền bối trong việc hướng dẫn, đào tạo và dìu dắt thế hệ kế thừa đã tạo nên nền tảng quan trọng cho sự phát triển của Ni đoàn miền Bắc.

Mở đầu

Phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX diễn ra trong bối cảnh xã hội có nhiều biến chuyển dưới tác động của chế độ thuộc địa và sự giao lưu tư tưởng Đông - Tây. Trước yêu cầu đổi mới, Phật giáo từng bước củng cố tổ chức, chỉnh đốn thiền môn, nâng cao trình độ Phật học và mở rộng hoạt động hoằng pháp. Phong trào phát triển ở cả ba miền, trong đó tại miền Bắc, sự thành lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ ngày 06/11/1934 và sự ra đời của tuần báo Đuốc Tuệ ngày 09/12/1935 đã đánh dấu bước phát triển quan trọng.

Trong tiến trình này, bên cạnh vai trò của các vị cao Tăng và cư sĩ trí thức, Ni giới cũng từng bước tham gia vào công cuộc chấn hưng thông qua các hoạt động tu học, giáo dục, đào tạo, hoằng pháp và xây dựng tổ chức. Tuy nhiên, những đóng góp của Ni giới vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ.

Bài viết tập trung tìm hiểu bối cảnh hình thành phong trào chấn hưng Phật giáo miền Bắc, làm rõ vai trò và đóng góp của Ni giới trên các phương diện giáo dục, đào tạo, hoằng pháp, báo chí và hoạt động xã hội; đồng thời khảo sát một số nhân vật và cơ sở Ni tự viện tiêu biểu trong giai đoạn từ những năm 1920 đến năm 1954, đặc biệt là thời kỳ 1934-1945. Qua đó, góp phần bổ sung tư liệu và làm rõ vị trí của Ni giới trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

I. Bối cảnh lịch sử và sự hình thành phong trào chấn hưng Phật giáo miền Bắc

1. Tình hình Phật giáo miền Bắc trước phong trào chấn hưng

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Phật giáo miền Bắc đứng trước nhiều biến động trong bối cảnh xã hội Việt Nam chịu sự tác động mạnh mẽ của chế độ thực dân và những chuyển biến về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng. Sau thời kỳ dài phát triển, Phật giáo ở một số nơi dần bộc lộ những hạn chế trong tổ chức và sinh hoạt tu học. Đội ngũ tăng ni chưa được đào tạo một cách đồng bộ, việc nghiên cứu kinh điển, giới luật và truyền bá giáo lý còn nhiều bất cập. Một bộ phận tu sĩ thiên về các hoạt động nghi lễ, ứng phó đạo tràng mà chưa chú trọng đúng mức đến việc học tập, nghiên cứu giáo lý và nâng cao nhận thức Phật học.

Thực trạng này khiến cho vị thế và ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống xã hội có những biểu hiện suy giảm, đặt ra yêu cầu cần phải chỉnh đốn và đổi mới để thích ứng với hoàn cảnh lịch sử mới.



Về phương diện tổ chức, miền Bắc vốn là vùng đất có truyền thống Phật giáo lâu đời, với nhiều trung tâm Phật giáo, sơn môn và tự viện lớn như chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Quán Sứ, chùa Bà Đá cùng nhiều ngôi chùa cổ tại các địa phương. Các tự viện không chỉ là nơi tu hành, hành lễ mà còn giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng. Tuy nhiên, trước thời kỳ chấn hưng, hoạt động giữa các sơn môn và tự viện phần lớn vẫn mang tính truyền thống, chưa có sự liên kết và thống nhất chặt chẽ trên quy mô toàn miền. Việc đào tạo tăng tài chủ yếu dựa vào phương thức truyền thụ kinh nghiệm giữa thầy và trò, chưa hình thành một hệ thống giáo dục Phật học có

chương trình và tổ chức quy củ.

Hoạt động nghiên cứu, biên soạn, dịch thuật kinh sách và phổ biến giáo lý bằng chữ Quốc ngữ cũng chưa thực sự phát triển rộng rãi. Đây là những vấn đề được các nhà vận động chấn hưng quan tâm và đặt ra trong quá trình đổi mới Phật giáo miền Bắc. Trong bối cảnh chung ấy, Ni giới miền Bắc cũng phải đối diện với nhiều khó khăn và hạn chế. Từ lâu, Ni chúng đã hiện diện trong đời sống Phật giáo, đảm nhận việc tu tập, gìn giữ giới luật, duy trì sinh hoạt tại các tự viện và hướng dẫn phật tử thực hành tín ngưỡng.

Tuy nhiên, so với chư Tăng, điều kiện học tập, nghiên cứu Phật học và cơ hội tham gia các hoạt động Phật sự của Ni giới còn nhiều hạn chế. Hoạt động tu học của Ni chúng phần lớn gắn với phạm vi từng tự viện, việc trao đổi kiến thức, kinh nghiệm tu hành và liên kết giữa các cơ sở Ni tự viện chưa thực sự phát triển. Bên cạnh đó, những quan niệm xã hội chịu ảnh hưởng của tư tưởng trọng nam khinh nữ cũng phần nào ảnh hưởng đến vị trí và khả năng phát huy vai trò của nữ giới trong đời sống tôn giáo. Đặc biệt, công tác giáo dục và đào tạo Ni chúng trước thời kỳ chấn hưng chưa có điều kiện phát triển đồng bộ.

Việc học tập kinh điển, nghiên cứu giáo lý và giới luật ở nhiều nơi chủ yếu thông qua sự hướng dẫn của các bậc trưởng thượng, chưa được tổ chức thành những chương trình đào tạo bài bản.

Ni chúng gặp khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu Phật học, nâng cao trình độ thế học và phát triển năng lực hoằng pháp. Chính những hạn chế này đã ảnh hưởng đến khả năng tham gia của Ni giới trong các hoạt động giáo dục, truyền bá chính pháp và xây dựng tổ chức Phật giáo.

2. Nguyên nhân và điều kiện thúc đẩy phong trào chấn hưng

Phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX ra đời trong bối cảnh có nhiều biến chuyển cả ở trong nước và quốc tế. Đây không phải là hiện tượng riêng lẻ mà nằm trong xu hướng vận động, cải cách Phật giáo đang diễn ra tại nhiều quốc gia châu Á. Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, trước sự tác động của văn minh phương Tây và những thay đổi về chính trị, xã hội, Phật giáo tại một số nước như Trung Quốc, Nhật Bản, Tích Lan (Sri Lanka) và Ấn Độ đã tiến hành nhiều hoạt động cải cách nhằm khôi phục vị thế của đạo Phật.

Các phong trào này chú trọng việc chấn chỉnh tổ chức Tăng đoàn, đổi mới giáo dục Phật học, dịch thuật kinh điển, xuất bản báo chí và mở rộng hoạt động hoằng pháp. Những tư tưởng đổi mới ấy đã tạo nên ảnh hưởng nhất định đối với

giới Phật giáo Việt Nam, góp phần thúc đẩy nhận thức về sự cần thiết phải canh tân và phát triển Phật giáo trong hoàn cảnh mới.

Tại Việt Nam, những chuyển biến về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội dưới thời Pháp thuộc đã tác động sâu sắc đến đời sống tôn giáo. Sự phát triển của giáo dục mới, báo chí Quốc ngữ, hoạt động xuất bản và giao lưu tư tưởng đã tạo điều kiện để các tầng lớp trí thức tiếp cận với những quan điểm tiến bộ, trong đó có tư tưởng cải cách tôn giáo.

Sự du nhập và phát triển của các hệ tư tưởng mới cũng đặt Phật giáo trước yêu cầu phải nhìn nhận lại phương thức hoạt động, tổ chức và truyền bá giáo lý. Trước tình hình đó, nhiều vị cao tăng, cư sĩ trí thức đã nhận thức rõ rằng muốn Phật giáo tiếp tục phát triển thì cần phải khắc phục những hạn chế trong sinh hoạt tự viện, nâng cao trình độ của tăng ni và đưa giáo lý đến gần hơn với đời sống xã hội.

Một trong những nguyên nhân quan trọng thúc đẩy phong trào chấn hưng chính là nhu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo Phật giáo. Việc học tập kinh điển, nghiên cứu giới luật và đào tạo đội ngũ tăng ni có kiến thức Phật học vững vàng trở thành yêu cầu cấp thiết. Bên cạnh phương thức truyền thụ truyền thống, cần hình thành những cơ sở đào tạo có chương trình học tập tương đối hệ thống, kết hợp giữa Phật học và kiến thức thế học. Cùng với đó, việc chỉnh đốn nề nếp thiền môn, củng cố giới luật, nâng cao phẩm chất đạo hạnh của người xuất gia cũng được đặt ra nhằm xây dựng một đội ngũ tăng ni có đủ năng lực đảm đương phật sự.

Hoạt động hoằng pháp cũng cần được mở rộng thông qua giảng kinh, thuyết pháp, biên soạn và phổ biến kinh sách, giúp quần chúng hiểu đúng giáo lý và thực hành Phật pháp trong đời sống.

Trong bối cảnh ấy, sự ra đời của các tổ chức và hội Phật giáo đã tạo điều kiện quan trọng để phong trào chấn hưng miền Bắc từng bước đi vào hoạt động có tổ chức. Tiêu biểu là Hội Phật giáo Bắc Kỳ, được thành lập năm 1934 tại Hà Nội, với sự tham gia của các bậc tăng sĩ và cư sĩ có tâm huyết với đạo pháp. Hội đã góp phần thúc đẩy các hoạt động hoằng pháp, giáo dục, tổ chức Phật sự và phổ biến giáo lý thông qua các phương tiện truyền thông đương thời. Đặc biệt, việc xuất bản tạp chí Đuốc Tuệ đã mở ra một diễn đàn quan trọng để truyền bá tư tưởng chấn hưng, trao đổi kiến thức Phật học và cổ vũ tinh thần học Phật trong cộng đồng. Những hoạt động này không chỉ tạo nên sự chuyển biến trong đời sống Phật giáo miền Bắc mà còn mở ra những điều kiện thuận lợi hơn để Ni giới tham gia vào các hoạt động chung của Phật giáo.

3. Sự tham gia của Ni giới trong bối cảnh chấn hưng

Phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX không chỉ tạo nên những chuyển biến trong tổ chức và hoạt động của Phật giáo mà còn mở ra những điều kiện mới cho sự phát triển của Ni giới. Nếu trước đây, hoạt động của Ni giới phần lớn giới hạn trong phạm vi tự viện và sinh hoạt tu học truyền thống thì bước vào thời kỳ chấn hưng, Ni giới đã từng bước có những thay đổi trong nhận thức, phương thức tu học và ý thức tham gia các hoạt động phật sự.

Sự vận động của phong trào đã góp phần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của người nữ tu sĩ trong đời sống Phật giáo, đồng thời khơi dậy tinh thần học tập, tự rèn luyện và phụng sự Tam bảo của các thế hệ Ni chúng.



Chùa Bồ Đề. Ảnh: Internet

Trước hết, một trong những chuyển biến đáng chú ý là nhận thức về khả năng tu học và hành đạo của nữ giới ngày càng được quan tâm. Trên nền tảng giáo lý Phật giáo về khả năng giác ngộ của tất cả chúng sinh, Ni giới có đầy đủ điều kiện để tu tập, thực hành giới luật và hướng đến giải thoát. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội đương thời còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng trọng nam khinh nữ, cơ hội học tập và tham gia các hoạt động Phật giáo của Ni chúng vẫn còn nhiều hạn chế.

Vì vậy, tinh thần chấn hưng đã góp phần thúc đẩy sự thay đổi trong nhận thức của một bộ phận tăng ni và phật tử về vai trò của nữ giới trong Phật giáo. Ni giới không chỉ được nhìn nhận là lực lượng duy trì sinh hoạt tại các tự viện mà còn có khả năng tham gia vào công tác giáo dục, hoằng pháp và các hoạt động

phụng sự xã hội. Đây là tiền đề quan trọng để các thế hệ Ni chúng mạnh dạn hơn trong việc học tập, hành đạo và phát huy năng lực của mình.

Cùng với sự chuyển biến về nhận thức, nhu cầu học tập kinh điển, nghiên cứu giới luật và nâng cao trình độ Phật học của Ni chúng ngày càng trở nên cấp thiết. Trước yêu cầu đổi mới của Phật giáo, Ni giới nhận thấy rằng việc tu hành không chỉ dừng lại ở thực hành nghi lễ và duy trì nếp sống tự viện mà còn cần có nền tảng kiến thức Phật học vững chắc. Việc học tập giáo lý, nghiên cứu kinh luật, trau dồi kiến thức thế học sẽ giúp Ni chúng nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và có đủ khả năng hướng dẫn phật tử tu học.

Từ đó, việc quan tâm đến giáo dục Ni chúng, tạo điều kiện cho Ni giới tham gia các hoạt động học tập và trao đổi kiến thức Phật học trở thành một yêu cầu quan trọng trong quá trình chấn hưng. Đây cũng là bước chuyển từ phương thức tu học chủ yếu dựa trên kinh nghiệm truyền thống sang hướng đào tạo có tính hệ thống và chú trọng hơn đến năng lực của người xuất gia.

Đặc biệt, phong trào chấn hưng đã góp phần hình thành và phát triển ý thức tự giác, tự chủ và trách nhiệm của Ni giới đối với sự nghiệp phát triển Phật giáo. Trước những yêu cầu mới của thời đại, các thế hệ Ni chúng không chỉ ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm tu tập, giữ gìn giới luật mà còn chủ động tham gia vào các hoạt động phật sự, xây dựng và duy trì cơ sở tự viện, hướng dẫn phật tử và truyền bá giáo lý. Tinh thần tự lực, tự cường được thể hiện qua nỗ lực vượt qua những khó khăn về điều kiện vật chất, hoàn cảnh xã hội và những hạn chế trong cơ hội học tập để từng bước nâng cao trình độ, năng lực hành đạo. Qua đó, Ni giới dần khẳng định vai trò của mình không chỉ trong phạm vi Ni đoàn mà còn trong sự phát triển chung của Phật giáo.

II. Những đóng góp của Ni giới trong công cuộc chấn hưng Phật giáo miền Bắc

1. Đóng góp trong hoạt động hoằng pháp và truyền bá Phật giáo

Trong tinh thần chấn hưng Phật giáo, việc đưa giáo pháp đến gần hơn với quần chúng, giúp mọi người hiểu đúng và thực hành lời Phật dạy được xem là nhiệm vụ quan trọng. Với tinh thần từ bi, nhẫn nại và phụng sự, các thế hệ Ni chúng đã góp phần duy trì, mở rộng những hoạt động truyền bá Phật pháp tại các tự viện và trong cộng đồng dân cư.

Trước hết, chư Ni tham gia hướng dẫn phật tử thực hành các nghi thức tu học, tụng kinh, niệm Phật và tìm hiểu giáo lý căn bản. Thông qua các buổi sinh hoạt tại chùa, những lời giảng giải gần gũi và sự hướng dẫn trong đời sống hằng ngày, Ni chúng góp phần giúp phật tử hiểu rõ hơn về nhân quả, nghiệp báo, lòng từ bi, tinh thần hiếu đạo và cách ứng dụng giáo lý vào cuộc sống. Đặc biệt, đối với phụ nữ và những người có điều kiện tiếp xúc với giáo dục Phật học còn hạn chế, sự hướng dẫn của các vị Ni đã tạo nên một môi trường tu học gần gũi, thuận lợi để họ tìm hiểu và thực hành phật pháp. Bên cạnh đó, các tự viện do Ni giới đảm nhiệm hoặc trực tiếp tham gia quản lý cũng là những địa điểm quan trọng trong việc duy trì sinh hoạt Phật giáo tại địa phương.

Thông qua các thời khóa tụng niệm, lễ hội Phật giáo, những buổi thuyết giảng và sinh hoạt đạo tràng, Ni giới góp phần giữ gìn truyền thống tu học, củng cố niềm tin của phật tử và lan tỏa những giá trị đạo đức Phật giáo trong cộng đồng. Những hoạt động này tuy có thể không được ghi chép đầy đủ trong các tư liệu lịch sử nhưng vẫn là một bộ phận đáng chú ý trong đời sống Phật giáo đương thời.

Đặc biệt, hoạt động hoằng pháp của Ni giới không chỉ giới hạn trong phạm vi tự viện mà còn được thể hiện qua việc hướng dẫn con người sống theo những giá trị đạo đức như hiếu kính cha mẹ, yêu thương con người, tránh điều ác, làm các việc thiện và có trách nhiệm với cộng đồng. Thông qua việc vận dụng giáo lý vào đời sống thực tiễn, Ni giới góp phần đưa Phật giáo đến gần hơn với quần chúng, giúp đạo Phật không chỉ hiện diện trong các nghi lễ tín ngưỡng mà còn trở thành nền tảng định hướng đạo đức và lối sống. Như vậy, bằng những hoạt động thiết thực trong giảng dạy, hướng dẫn tu học và truyền bá giáo lý, Ni giới đã góp phần mở rộng ảnh hưởng của Phật giáo trong xã hội. Đây cũng là biểu hiện sinh động của tinh thần nhập thế, lấy việc tu tập và phụng sự chúng sinh làm phương tiện hoằng dương chính pháp.

2. Đóng góp trong xây dựng tổ chức và sinh hoạt Phật giáo

Trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền Bắc, bên cạnh hoạt động giáo dục và hoằng pháp, Ni giới còn có những đóng góp thiết thực trong việc xây dựng tổ chức và duy trì sinh hoạt Phật giáo. Đây là phương diện thể hiện tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm và sự chủ động của Ni chúng đối với sự nghiệp chung của đạo pháp.

Trước những yêu cầu đổi mới của Phật giáo, Ni giới từng bước nhận thức rằng muốn duy trì và phát triển đời sống tu hành thì không chỉ cần chú trọng việc tu

học cá nhân mà còn phải quan tâm đến sự ổn định của tự viện, sự gắn kết giữa các Ni chúng và việc tổ chức các hoạt động Phật sự.

Trước hết, các bậc Ni trưởng, Ni sư tiền bối đã có vai trò quan trọng trong việc duy trì và củng cố sinh hoạt tại các cơ sở Ni tự viện. Thông qua việc quản lý tự viện, hướng dẫn Ni chúng thực hành giới luật, duy trì thời khóa tu học và tổ chức các hoạt động phật sự, các vị đã góp phần xây dựng môi trường tu hành có nền nếp, kỷ cương. Mỗi cơ sở Ni tự viện không chỉ là nơi thực hành đời sống xuất gia mà còn là địa điểm gìn giữ truyền thống tu học, đào tạo thế hệ kế thừa và kết nối cộng đồng phật tử.



Chùa Đức Viên. Ảnh: Internet

Bên cạnh đó, trong quá trình vận động chấn hưng, Ni giới từng bước mở rộng sự giao lưu, liên kết giữa các cơ sở tu học và các thế hệ Ni chúng. Sự gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm tu hành, học tập kinh điển và chia sẻ hoạt động phật sự đã góp phần tăng cường tinh thần đoàn kết trong Ni giới. Đây là yếu tố cần thiết để khắc phục tình trạng sinh hoạt riêng lẻ, tạo điều kiện cho Ni chúng hỗ trợ nhau trong tu học và hành đạo. Đồng thời, việc duy trì mối liên hệ giữa các tự viện cũng góp phần bảo tồn truyền thống của Ni đoàn và nâng cao khả năng tham gia vào các hoạt động chung của Phật giáo.

Đối với các tổ chức Phật giáo đương thời, sự tham gia của Ni giới cần được nhìn nhận trong mối quan hệ với quá trình mở rộng và đổi mới sinh hoạt Phật giáo. Mặc dù vai trò của Ni chúng trong các cơ cấu tổ chức chính thức còn chịu những giới hạn nhất định, nhưng thông qua hoạt động tại tự viện, các đạo tràng và

những mối liên hệ Phật sự, Ni giới vẫn góp phần tạo nên sức mạnh chung của phong trào. Đặc biệt, vai trò của các bậc Ni trưởng trong việc hướng dẫn, tổ chức và duy trì đời sống Ni chúng đã thể hiện năng lực tự quản và tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển của Phật giáo.

3. Đóng góp trong hoạt động báo chí và truyền bá tư tưởng chấn hưng

Một trong những điểm mới nổi bật của phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX là sự phát triển của báo chí và hoạt động xuất bản Phật giáo. Báo chí trở thành phương tiện quan trọng trong việc phổ biến giáo lý, trao đổi tư tưởng, nâng cao nhận thức Phật học và vận động đổi mới sinh hoạt tôn giáo. Tại miền Bắc, sự ra đời của Hội Phật giáo Bắc Kỳ năm 1934 và tạp chí Đuốc Tuệ đã góp phần tạo dựng diễn đàn truyền bá tư tưởng chấn hưng, đưa những vấn đề về giáo dục, đạo đức, tổ chức và hoằng pháp đến gần hơn với giới Tăng Ni, cư sĩ và quần chúng phật tử.

Trong bối cảnh đó, Ni giới cũng được hưởng những điều kiện thuận lợi hơn để tiếp cận với tri thức Phật học thông qua báo chí và các ấn phẩm Phật giáo. Việc đọc, tìm hiểu và nghiên cứu những bài viết về giáo lý, giới luật, lịch sử Phật giáo và các vấn đề xã hội đã góp phần mở rộng kiến thức, nâng cao nhận thức và thúc đẩy tinh thần học Phật trong Ni chúng.

Thông qua các ấn phẩm này, những tư tưởng đổi mới của phong trào chấn hưng được truyền bá rộng rãi hơn, tạo điều kiện để Ni giới tiếp cận với những phương thức tu học và hoằng pháp phù hợp với yêu cầu của thời đại.

Bên cạnh việc tiếp nhận tri thức, hoạt động báo chí Phật giáo còn góp phần nâng cao nhận thức về vị trí và vai trò của nữ giới trong đời sống tôn giáo. Những quan điểm đề cao việc học tập, bình đẳng trong khả năng tu tập và trách nhiệm phụng sự Tam bảo có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của Ni giới. Qua đó, người nữ tu sĩ có thêm cơ sở nhận thức về trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, hành đạo và đóng góp cho cộng đồng Phật giáo.

4. Đóng góp trong hoạt động từ thiện, xã hội và văn hóa

Bên cạnh các hoạt động tu học, giáo dục và hoằng pháp, Ni giới miền Bắc còn góp phần vào công cuộc chấn hưng Phật giáo thông qua những hoạt động từ thiện, xã hội và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống. Xuất phát từ tinh thần từ bi, cứu khổ và phụng sự chúng sinh của đạo Phật, các thế hệ chư Ni luôn đề cao việc thực hành giáo lý trong đời sống thực tiễn. Đối với Ni giới, sự nghiệp tu

hành không chỉ hướng đến việc hoàn thiện bản thân mà còn gắn liền với trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ con người và đóng góp cho cộng đồng.

Trước hết, hoạt động từ thiện và giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn là một phương diện thể hiện tinh thần nhập thế của Ni giới. Thông qua sự vận động của các tự viện và sự đóng góp của phật tử, chư Ni tham gia các hoạt động hỗ trợ người nghèo, chăm sóc người bệnh, giúp đỡ những gia đình gặp khó khăn và chia sẻ với những người chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh. Những việc làm ấy tuy giản dị nhưng thể hiện rõ tinh thần từ bi, bình đẳng và không phân biệt của Phật giáo.

Qua đó, hình ảnh người nữ tu sĩ không chỉ gắn với đời sống thanh tịnh nơi cửa thiền mà còn hiện diện trong các hoạt động phụng sự và chăm lo cho đời sống nhân sinh. Bên cạnh hoạt động từ thiện, Ni giới còn góp phần giáo dục đạo đức và xây dựng nếp sống hướng thiện trong cộng đồng.

Thông qua việc hướng dẫn phật tử thực hành năm giới, khuyến khích lòng hiếu thảo, tinh thần yêu thương, sự bao dung và trách nhiệm đối với gia đình, xã hội, các vị Ni đã góp phần đưa những giá trị đạo đức Phật giáo vào đời sống thường nhật. Đặc biệt, đối với phụ nữ và các gia đình phật tử, sự hướng dẫn của Ni chúng có ý nghĩa thiết thực trong việc xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh, gìn giữ đạo đức gia đình và giáo dục thế hệ trẻ.

Một phương diện khác cũng cần được ghi nhận là vai trò của Ni giới trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Phật giáo. Thông qua việc gìn giữ tự viện, bảo tồn kinh sách, duy trì nghi lễ, lễ hội và các sinh hoạt truyền thống, Ni giới đã góp phần bảo vệ những di sản văn hóa gắn liền với đời sống Phật giáo.

Các tự viện do Ni chúng quản lý hoặc tu học không chỉ là không gian sinh hoạt tôn giáo mà còn là nơi lưu giữ những giá trị lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật và phong tục truyền thống của địa phương. Việc duy trì các hoạt động văn hóa ấy góp phần bảo tồn bản sắc Phật giáo và sự gắn bó giữa đạo pháp với dân tộc.

Có thể khẳng định rằng, những hoạt động từ thiện, giáo dục đạo đức và bảo tồn văn hóa đã góp phần làm phong phú thêm vai trò của Ni giới trong công cuộc chấn hưng Phật giáo miền Bắc. Không chỉ chú trọng tu học và hoằng truyền giáo pháp, Ni giới còn thể hiện tinh thần nhập thế thông qua việc đem tình thương, trí tuệ và những giá trị nhân văn của đạo Phật phục vụ cuộc sống. Đây chính là sự tiếp nối tinh thần từ bi của đức Phật, đồng thời khẳng định trách nhiệm xã hội của người nữ tu sĩ trong tiến trình phát triển Phật giáo.

III. Những gương mặt Ni giới tiêu biểu trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền Bắc

1. Vai trò của các bậc Ni trưởng, Ni sư tiền bối

Trong công cuộc chấn hưng Phật giáo miền Bắc đầu thế kỷ XX, bên cạnh những đóng góp của các bậc cao Tăng và cư sĩ trí thức, sự hiện diện của các bậc Ni trưởng, Ni sư tiền bối đã góp phần tạo nên những chuyển biến quan trọng trong đời sống Ni giới. Các vị không chỉ duy trì truyền thống tu học tại tự viện mà còn quan tâm đến việc nâng cao trình độ Phật học, hướng dẫn Ni chúng và tham gia vào hoạt động hoằng pháp.

Trong bối cảnh Ni giới còn gặp nhiều hạn chế về điều kiện học tập và cơ sở tu hành, những nỗ lực của các bậc tiền bối có ý nghĩa quan trọng đối với việc hình thành nền tảng giáo dục và phát triển Ni đoàn.



Chùa Thanh Nhàn. Ảnh: Internet

Một trong những nhân vật tiêu biểu của Ni giới miền Bắc trong giai đoạn này là Ni trưởng Đàm Soạn (?-1968). Theo nghiên cứu của Thích Nữ Huệ Lợi, Ni trưởng sinh tại làng Cự Đà, tỉnh Hà Đông (nay thuộc thành phố Hà Nội), xuất gia từ nhỏ và theo học với Thiền sư Đông Đồ tại sơn môn Trung Hậu, Phúc Yên.

Trong quá trình hành đạo, Ni trưởng từng trụ trì các chùa Thanh Nhàn, Từ Hàng và Đức Viên. Đây là những dấu mốc cho thấy quá trình tu học và hành đạo của một vị Ni có ảnh hưởng trong đời sống Phật giáo miền Bắc thời kỳ bấy giờ.

Đáng chú ý, Ni trưởng Đàm Soạn không chỉ hoạt động trong phạm vi miền Bắc mà còn có sự giao lưu phật sự với Phật giáo miền Trung. Năm 1928, Ni trưởng tham gia việc xây dựng chùa Diệu Viên tại Huế và thường xuyên vào Huế làm phật sự.

Theo tư liệu được Thích Nữ Huệ Lợi dẫn lại từ công trình Lược sử Ni giới Bắc tông Việt Nam của Tỳ kheo ni Như Đức, Ni trưởng còn là vị Ni đầu tiên được mời vào nội cung để thuyết giảng cho Hoàng hậu, phi tần và các nữ quan triều Nguyễn. Chi tiết này cho thấy năng lực hoằng pháp cũng như vị thế của Ni trưởng trong đời sống Phật giáo đương thời.

Đóng góp đáng chú ý của Ni trưởng Đàm Soạn còn thể hiện ở lĩnh vực giáo dục Ni chúng. Trong bối cảnh việc đào tạo Ni giới còn thiếu điều kiện, sự quan tâm đến việc hướng dẫn và nâng cao trình độ tu học cho Ni chúng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Theo nghiên cứu của Thích Nữ Huệ Lợi xác định rằng Ni trưởng là một trong những vị có vai trò nổi trội trong việc giảng dạy cho Ni chúng ở miền Bắc thời kỳ này.

Qua đó, có thể nhận thấy vai trò của Ni trưởng không chỉ nằm ở quá trình tu tập và hành đạo cá nhân mà còn ở việc góp phần đào tạo thế hệ Ni trẻ, duy trì truyền thống học tập và tạo nền tảng cho sự phát triển của Ni giới về sau.

2. Những đóng góp của các cơ sở Ni tự viện tiêu biểu

Trong bối cảnh Ni giới còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất và điều kiện giáo dục, sự hình thành và phát triển các cơ sở tu học dành cho Ni chúng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trước hết, cần nhắc đến chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), một địa điểm có liên quan đến hoạt động giáo dục Ni giới miền Bắc trong giai đoạn chấn hưng.

Theo nghiên cứu của Thích Nữ Huệ Lợi, dẫn nguồn từ công trình Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ như: Hội Phật giáo (1934-1945) của Ninh Thị Sinh, năm 1938 tại miền Bắc đã bắt đầu có lớp trung học và tiểu học dành cho Ni giới đặt tại chùa Bút Tháp. Đến năm 1942, tổng số Tăng Ni sinh theo học tại cơ sở này đã vượt một trăm người. Đây là một tư liệu đáng chú ý, phản ánh bước phát triển của hoạt động giáo dục Phật học dành cho Ni giới trong thời kỳ chấn hưng. Sự hiện diện của lớp học dành cho Ni giới tại chùa Bút Tháp cho thấy nhu cầu học tập của Ni chúng đã từng bước được đáp ứng thông qua những hình thức đào tạo có tổ chức. Việc kết hợp giữa các cấp học sơ cấp và trung học tạo điều kiện để Ni chúng nâng cao kiến thức, tiếp cận kinh điển và củng cố nền tảng Phật học. Đồng thời, đây cũng là môi trường giúp các thế hệ

Ni trẻ chuẩn bị năng lực đảm nhiệm những hoạt động Phật sự trong tương lai.

Vì vậy, chùa Bút Tháp không chỉ có giá trị về phương diện lịch sử, kiến trúc và văn hóa Phật giáo mà còn cần được nhìn nhận như một địa điểm có dấu ấn trong lịch sử giáo dục Ni giới miền Bắc.

Bên cạnh chùa Bút Tháp, chùa Bồ Đề tại Gia Lâm, Hà Nội cũng là một cơ sở quan trọng trong phong trào chấn hưng Phật giáo xứ Bắc. Theo nghiên cứu của Nguyễn Đại Đồng, Hội Phật giáo Bắc Kỳ đã tổ chức các hoạt động giáo dục tại chùa Bồ Đề từ năm 1935. Tại đây, Hội triển khai việc giảng dạy kinh điển và từng bước xây dựng chương trình đào tạo Phật học. Từ cuối năm 1936, đầu năm 1937, chùa Bồ Đề trở thành cơ sở đào tạo tăng tài với các cấp tiểu học và trung học. Ngoài các cơ sở trên, những ngôi chùa do Ni giới trực tiếp đảm nhiệm cũng có vai trò trong việc duy trì đời sống tu học và truyền thống Ni đoàn. Tại miền Bắc, các chùa Thanh Nhàn, Từ Hàng và Đức Viên gắn với quá trình hành đạo và trụ trì của Ni trưởng Đàm Soạn. Những cơ sở này là không gian để Ni chúng duy trì nếp sống thiền môn, thực hành giới luật và tiếp nối truyền thống tu học.

Kết luận

Phong trào chấn hưng Phật giáo miền Bắc đầu thế kỷ XX là một dấu mốc quan trọng trong tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam. Đây không chỉ là quá trình khôi phục, củng cố tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động Phật giáo mà còn tạo ra những chuyển biến đáng kể trong nhận thức và vị thế của Ni giới. Trong bối cảnh xã hội còn chịu ảnh hưởng của nhiều quan niệm truyền thống về vai trò của nữ giới, các thế hệ chư Ni đã từng bước vượt qua những khó khăn, hạn chế để tham gia vào các hoạt động tu học, giáo dục, hoằng pháp và phụng sự đạo pháp.

Qua việc tìm hiểu bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành phong trào chấn hưng, có thể nhận thấy sự phát triển của Ni giới gắn liền với yêu cầu đổi mới chung của Phật giáo đương thời. Nhu cầu nâng cao trình độ Phật học, củng cố giới luật, xây dựng cơ sở tu học và đào tạo thế hệ kế thừa đã thúc đẩy Ni giới từng bước thay đổi phương thức hoạt động.

Đặc biệt, sự xuất hiện của các cơ sở đào tạo dành cho Ni giới, tiêu biểu như lớp học Ni tại chùa Bút Tháp, cùng những ý kiến và nguyện vọng được thể hiện trên báo chí Phật giáo đương thời đã phản ánh tinh thần chủ động, ý thức tự học và khát vọng phát triển của Ni giới trong giai đoạn này. Những đóng góp của Ni giới được thể hiện trên nhiều phương diện, nổi bật là giáo dục và đào tạo Ni chúng, duy trì sinh hoạt tự viện, tham gia hoằng pháp, truyền bá giáo lý và góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa Phật giáo. Đặc biệt, những nỗ lực của các bậc

Ni trưởng, Ni sư tiền bối trong việc hướng dẫn, đào tạo và dìu dắt thế hệ kế thừa đã tạo nên nền tảng quan trọng cho sự phát triển của Ni đoàn miền Bắc. Những tiếng nói của Ni giới trên các ấn phẩm Phật giáo như Đuốc Tuệ, Duy Tâm Phật học cũng cho thấy các vị không chỉ quan tâm đến việc tu học cá nhân mà còn có ý thức về trách nhiệm chung đối với sự nghiệp chấn hưng Phật giáo.

Có thể khẳng định rằng, Ni giới đã góp phần tạo nên những chuyển biến quan trọng trong công cuộc chấn hưng Phật giáo miền Bắc đầu thế kỷ XX. Những đóng góp ấy không chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển của Ni đoàn mà còn góp phần làm phong phú thêm diện mạo lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tinh thần tự lực, tự cường, ý thức học tập, đoàn kết và phụng sự của các thế hệ Ni tiền bối chính là di sản quý báu để Ni giới ngày nay tiếp tục kế thừa và phát huy.

Tác giả: **Nguyễn Thị Thùy Trang (Thích nữ Huệ Khánh)**

Học viên Cao học K.IV, chuyên ngành Lịch sử Phật giáo - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

Tài liệu tham khảo:

1] Ninh Thị Sinh (2020), *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ* ,Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

2. Lê Tâm Đắc (2011), *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

3] Tỳ kheo ni Như Đức (2009), *Lược sử Ni giới Bắc tông Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo.

4] Nguyễn Lang (2014), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

5] Ninh Thị Sinh (2019), *"Tìm hiểu quan niệm của Ni sư Huệ Tâm về Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX"*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4.

6] Thích Nữ Huệ Lợi (2021), *"Giáo dục Ni giới trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX"*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, ngày 11/12/2021.